

Bản án số: 35/2024/DS-ST  
Ngày 17-6-2024  
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đào Kim Kinh;
- Bà Đinh Thị Thanh Thủy;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hạ Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Liên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2023/TLST-DS ngày 16/6/2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2024/QĐXXST-DS, ngày 15/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2024/QĐST-DS ngày 31/5/2024 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị K sinh năm 1965, địa chỉ: Hẻm G đường T, tổ F, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ C sinh năm 1992, địa chỉ: Lô N Khu đô thị A, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 16/5/2023), có mặt.

\* **Bị đơn:** Bà Ngô Thị V sinh năm 1967; địa chỉ nơi thường trú: Thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ nơi ở hiện tại: Số C đường T, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh K1 sinh năm 1989, địa chỉ: Hẻm C đường B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28/6/2023), có mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lưu Thị Kim N sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn D, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Bà Trần Thị K biết bị đơn bà Ngô Thị V là người chuyên kinh doanh hành tỏi Lý S nhưng bà K không quan hệ làm ăn trực tiếp hay quan hệ thân tình gì với bà V. Bà K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Kim N có mối quan hệ quen biết. Vào ngày 24/5/2019 âm lịch tức ngày 26/6/2019 dương lịch, bà N trực tiếp đến gặp bà K, đề nghị bà K cho bà Ngô Thị V vay số tiền 150.000.000 đồng, bà K đồng ý yêu cầu của bà N, đồng ý cho bà V vay 150.000.000 đồng, lãi suất 2.500.000 đồng/tháng, tiền lãi trả hàng tháng, tiền gốc khi nào bà K thông báo trả nợ thì bà V phải trả lại cho bà K, bà V phải viết giấy nhận nợ tiền gốc 150.000.000 đồng, không cần viết thỏa thuận lãi vào giấy nhận nợ mà thỏa thuận miệng thực hiện. Bà K giao đủ số tiền 150.000.000 đồng cho bà N để đưa cho bà V, giữa bà K và bà N không có giấy nhận nợ, bà N không nhận nợ và không hưởng lợi, không có nghĩa vụ gì từ việc bà K cho bà V vay tiền. Bà Ngô Thị V có tự tay viết và ký tên giấy nhận nợ bà K đề ngày 24/5/2019 âm lịch, bà V giao giấy này cho bà N nhờ đưa lại cho bà K, nhưng bà K tin tưởng bà N nên đưa bà N giữ giấy nhận nợ để bà N nhắc nhở bà V có nghĩa vụ trả nợ cho bà K. Từ khi vay được tiền, bà V không trả được tiền lãi tháng nào cho bà K. Khi bà K cần tiền nhiều lần gọi điện, ủy quyền cho bà N đòi nợ nhưng bà V không trả nên ngày 11/5/2023, bà K làm Thông báo về việc trả nợ yêu cầu bà V phải trả cho bà K 150.000.000 đồng trong thời hạn 05 ngày từ ngày 11/5/2023 đến ngày 15/5/2023, bà V đã nhận được thông báo đòi nợ nhưng vẫn không trả nợ cho bà K. Nay bà K yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị V phải trả lại cho bà Trần Thị K số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào thêm.

*\* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/7/2023; Biên bản làm việc ngày 13/12/2023 và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:* Bị đơn đã nhận được Thông báo về việc đòi nợ đề ngày 11/5/2023 của bà Trần Thị K vào khoảng tháng 5/2023, nhận ngày nào thì bị đơn không nhớ rõ. Bị đơn không quen biết và không nợ số tiền 150.000.000 đồng của bà K. Bị đơn không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy đề ngày 24/5/2019 âm lịch có nội dung Ngô Thị V nhận nợ bà K số tiền 150.000.000 đồng có phải là

đúng chữ ký, chữ viết của bà V hay không; không nhớ được có ký và viết nội dung theo giấy nhận nợ hay không, cũng có thể bị đơn viết và ký tên nhận nợ này nhưng bị đơn xác định không quen biết, không nợ bà K; bị đơn không nhớ có nợ bà K hay em K nào, bị đơn cũng không xác định được có bị bà K, bà N hay người nào đe dọa, lừa dối, ép buộc bị đơn viết giấy nhận nợ đề ngày 24/5/2019 âm lịch. Bị đơn không phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của bà K, bị đơn không mâu thuẫn và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì đối với bà N, không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ hay giải quyết vấn đề gì. Vì không quen biết và không vay nợ số tiền 150.000.000 đồng của bà K, Giấy nhận nợ không có bút tích nào của bà K, trong giấy không thể hiện việc vay mượn ba bên giữa bà K, bà V và bà N nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận trả nợ.

*\* Tại bản tự khai ngày 31/8/2023; biên bản đối chất ngày 11/10/2023 và ngày 26/10/2023; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Kim N trình bày:* Bà N1 là người làm công (làm thuê) cho bà Ngô Thị V từ năm 2016 đến năm 2022, trong khoảng thời gian này bà N1 và bà V thân thiết với nhau. Bà N1 có buôn bán ở chợ Q, bà Trần Thị K làm nghề cho vay góp tiền ở chợ Q nên bà N1 và bà K quen biết với nhau. Bà K và bà V có biết về nhau nhưng không có quan hệ làm ăn trực tiếp. Năm 2019 bà V tâm sự với bà về việc cần tiền để làm ăn, nhờ bà tìm người vay giúp số tiền 150.000.000 đồng. Vì nể bà V và quen biết, có thể vay tiền của bà K nên bà N1 nói với bà V rằng sẽ vay tiền của bà K giúp cho bà V, bà V không cần đi cùng bà N1 đến gặp bà K vay tiền nhưng khi vay được tiền bà N1 sẽ mang tiền về cho bà V, bà V phải viết giấy nhận nợ và có trách nhiệm trả nợ đầy đủ cho bà K thì bà V đồng ý. Ngày 24/5/2019 âm lịch tức ngày 26/6/2019 dương lịch, bà N1 đến gặp bà K hỏi vay cho bà V số tiền 150.000.000 đồng, bà K yêu cầu trả lãi 2.500.000 đồng/ngày, bà N1 nhận tiền xong mang về đưa đủ số tiền 150.000.000 đồng cho bà V, nói cho bà V biết yêu cầu tiền lãi của bà K, bà V đồng ý nhưng không viết trong giấy nhận nợ, mà bà V tự tay viết và ký tên vào giấy nhận nợ số tiền gốc 150.000.000 đồng, bà V đưa giấy nhận nợ cho bà N1 để bà N1 đưa cho bà K, nhưng bà K tin tưởng bà nên giao giấy nhận nợ cho bà giữ để bà nhắc nhở bà V trả nợ. Từ khi vay được tiền bà V không trả được lãi, không trả nợ gốc cho bà K dù bà K đòi nợ nhiều lần, vào ngày 13/01/2023 bà đã nhắn tin nhắc bà V trả nợ cho bà K qua tin nhắn mạng xã hội Z, bà lưu tên bà V là “*Cơ sở hành tởi Lý Sơn Ngô Thị V*” và đã in nội dung tin nhắn ra văn bản nộp cho Tòa án. Bà không có yêu cầu độc lập, bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không chấp nhận trả nợ cho bà K là không đúng.

*\*Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị K, buộc bà Ngô Thị V phải trả cho bà K số tiền 150.000.000 đồng. Bà V phải chịu chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà K tạm ứng án phí và tạm ứng chi phí giám định đã nộp.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

*Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K về việc buộc bà Ngô Thị V phải trả nợ số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi: Căn cứ đề nguyên đơn khởi kiện là Giấy nhận nợ được viết và ký tên Ngô Thị V đề ngày 24/5/2019 âm lịch mà nguyên đơn Trần Thị K nộp cho Tòa án. Tòa án đã giải thích cho bị đơn về quyền yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong trường hợp bị đơn không xác định được giấy nhận nợ có chính xác do bị đơn viết và ký tên hay không nhưng bị đơn không yêu cầu trưng cầu giám định. Ngày 10/12/2023 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Ngô Thị V. Tại Kết luận giám định số 1243/KL-KTHS ngày 09/01/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận: “Các chữ viết trong phần nội dung văn bản và chữ ký “Việt, Ngô Thị V” tại phần chữ ký của văn bản có nội dung vay tiền, đề ngày 24/5/2019 âm lịch (ký hiệu A1) là do cùng một người viết ra. Các chữ viết “Việt, Ngô Thị V” tại phần chữ ký của văn bản có nội dung vay tiền, đề ngày 24/5/2019 âm lịch (ký hiệu A1) với chữ viết, chữ ký của bà Ngô Thị V trong “Hợp đồng ủy quyền”, được công chứng ngày 28/6/2023 tại Văn phòng C1 (ký hiệu A2) là do cùng một người viết ra”. Như vậy có căn cứ xác định Giấy nhận nợ được viết và ký tên Ngô Thị V đề ngày 24/5/2019 âm lịch mà nguyên đơn Trần Thị K nộp cho Tòa án là do bị đơn bà Ngô Thị V viết, ký tên.*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn không chấp nhận trả nợ vì cho rằng giấy nhận nợ không có bút tích nào của bà Trần Thị K, bị đơn và nguyên đơn không quen biết nhau nên bị đơn không vay nợ, không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn. Bị đơn và bà N1 không có mâu thuẫn gì với nhau, bà N1 trình bày bà N1 quen biết với hai bà là bà K và bà V nên nhận tiền của bà K đưa cho bà V vay, bà V không trực tiếp đến gặp bà K vay tiền nên bị đơn cho rằng không quen nguyên đơn thì không có việc vay nợ là không đúng, vì phải có việc vay nợ mới có giấy nhận nợ bà K nộp cho Tòa án do chính bà V viết và ký tên. Ngoài ra, bị đơn cho rằng giấy nhận nợ không có bút tích nào của bà Trần Thị K nhưng bị đơn không xác định được bị đơn có nợ “em K” nào khác ngoài bà Trần Thị K và không có căn cứ cho thấy bị đơn đã bị bà K, bà N1 hay người nào khác đe dọa; lừa dối; ép buộc bị đơn viết giấy nhận nợ đề ngày 24/5/2019 âm lịch vì vậy bà V viết giấy nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc để nhận nợ bà Trần Thị K. Đồng thời, bị đơn có giao nộp đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà V - bà K và các ý kiến của bị đơn, nhận định của bị đơn tại phiên tòa không phủ nhận được việc nhận nợ thể hiện giấy nhận nợ đề ngày 24/5/2019 âm lịch vì vậy ý kiến bị đơn đưa ra là không phù hợp. Căn cứ khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, việc bà K khởi kiện yêu cầu bà V trả nợ số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bà K trình bày khi vay có thỏa thuận lãi 2.500.000 đồng/tháng nhưng bà V chưa trả được tiền lãi, còn bà V không thừa nhận, bà K cũng không yêu cầu giải quyết về lãi vay nên Hội đồng xét xử không giải quyết về lãi.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về chi phí giám định là 3.000.000 đồng, bà K đã nộp tạm ứng và đã chi xong, bà V phải chịu, bà V có nghĩa vụ hoàn trả cho bà K 3.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà K.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, 144, 147, 160, 161, 162, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K. Buộc bà Ngô Thị V phải hoàn trả cho bà Trần Thị K 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị V phải chịu 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị K 3.750.0000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006158 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), bà Ngô Thị V phải chịu. Bà Trần Thị K đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên bà Ngô Thị V phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Trần Thị K 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Ly**